

Số: 461/KH-THCSYD

Đông Triều, ngày 10 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh "Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ hướng dẫn số 2593/SGDDĐT- KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh "Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh QN về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (Bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm trường, Ban giám hiệu nhà trường với ban đại diện CMHS và toàn thể CMHS các lớp đầu năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường THCS Yên Đức xây dựng kế hoạch triển khai nội dung thu-chi, mức thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục chăm sóc giáo dục năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình nhà trường

1. Quy mô trường lớp

- Tổng số lớp học: 10
- Số học sinh: 342; Nữ: 153 trong đó:
 - Con dân tộc: 06 (03 nữ; 05 HS lớp 7; 01 HS lớp 9)
 - Học sinh khuyết tật: 05(01 HS lớp 6; 02 HS lớp 7; 01 HS lớp 8; 01 HS lớp 9)
 - Bệnh hiểm nghèo: 01(HS lớp 8); Bảo trợ xã hội : 01(HS lớp 6)
 - Học sinh thuộc hộ cận nghèo: 05
 - Học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 12
 - Con TNLĐ: 05 (01 HS lớp 6; 02 HS lớp 7; 02 HS lớp 8)

2. Đội ngũ và tổ chức bộ máy nhà trường

a, Đội ngũ

* Biên chế viên chức: 18

Trong đó: BGH: 02; GV: 14; NV: 02

- Trình độ chuyên môn của CBQL, GV theo Luật giáo dục số 43/2019:

Đại học (đạt chuẩn): 16/16 đạt 100%

- Trình độ chuyên môn nhân viên: 02 Đại học

- Trình độ chính trị của CBQL, GV, NV: Trung cấp: 2; Sơ cấp: 13

- Trình độ quản lý: Đại học QLGD: 01

* Hợp đồng lao động: 05

- Giáo viên: 02

- Bảo vệ: 02

- Lao công: 01

b, Tổ chức bộ máy nhà trường

*** Chi bộ:**

- Toàn chi bộ có 15 đảng viên sinh hoạt tại chi bộ; Tổng số chi ủy: 03

- Nhiệm vụ chính trị của chi bộ: Lãnh đạo chi bộ thực hiện Nghị quyết của chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025; Nghị quyết Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ năm 2023, tập trung hoàn thành các chỉ tiêu năm học 2023-2024, công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, Đề án thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025;

*** Hội đồng trường:**

Hội đồng trường: 09 thành viên, trong đó chủ tịch HĐT: Đ/c Lê Thị Kim Oanh - Hiệu trưởng, các thành viên CBGVNV nhà trường(05), đại diện lãnh đạo địa phương(01), đại diện PHHS nhà trường(01), đại diện HS(01)

* **Nhà trường:** Tổng số CBGVNV: 18, gồm 02 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

* **Công đoàn:** Gồm 23 đoàn viên công đoàn và lao động; Ban chấp hành: 03 đ/c.

*** Ban thanh tra nhân dân:**

Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2023-2025 gồm 3 thành viên. Ban thanh tra nhân dân luôn thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội, góp phần thực hiện dân chủ, phòng, chống tiêu cực và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

* **Đoàn Thanh niên:** 02 đ/c chiếm 11,1%

* **Đội thiếu niên:** Tổng phụ trách Đội và 342 đội viên

* **Các tổ tư vấn:** Nhà trường thành lập tổ tư vấn tâm lý cho học sinh gồm 5 thành viên, gồm: Đại diện BGH, GV dạy GDCD, GV dạy môn sinh học, TPT Đội, Đại diện HS.

***Ban đại diện CMHS:**

Gồm Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường(03 thành viên); Ban đại diện cha mẹ HS 10 lớp(mỗi lớp gồm 3 thành viên).

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và các lớp hoạt động theo quy định Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; Tích cực trong công tác phối kết hợp giáo dục học sinh cùng nhà trường, GVCN.

3. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm nhất trí ủng hộ của chính quyền địa phương và phụ huynh học sinh tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà trường triển khai, tổ chức thực hiện các khoản thu trong năm học.

- Đội ngũ CBGVNV đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh phối hợp tốt trong công tác giáo dục cũng như thực hiện triển khai các khoản thu theo quy định và theo thỏa thuận.

- Ban cha mẹ học sinh nhà trường và các lớp nhiệt tình, năng động, tích cực hỗ trợ các hoạt động giáo dục nhà trường về vật chất và tinh thần.

4. Khó khăn

Trường trực thuộc xã nông thôn miền núi, mặt bằng dân số có mức thu nhập thấp, học sinh thuộc hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều do đó gây khó khăn cho việc triển khai thu các khoản thu còn chậm không đảm bảo thời gian theo quy định; Công tác huy động các nguồn lực để tài trợ đầu tư cơ sở vật chất nhà trường theo tinh thần Thông tư 16/2018-BGDĐT, ngày 03/8/2018 chưa thực hiện được hiệu quả.

II. Mục đích, yêu cầu

- Thực hiện chủ trương quản lý tốt các khoản thu chi trong cơ sở giáo dục theo đúng quy định. Đồng thời để tăng cường công tác tham mưu phát triển giáo dục Trung học, huy động các nguồn lực phát triển giáo dục trên địa bàn xã.

- Xây dựng được môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội lành mạnh.

- Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Sử dụng các khoản thu phải tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí trong việc sử dụng các nguồn thu. Các khoản thu được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán kế toán riêng theo từng khoản thu.

III. Nội dung triển khai thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt

1.1. Nội dung các văn bản triển khai

Đầu năm học nhà trường tổ chức tuyên truyền các văn bản chỉ đạo quy định về các khoản thu, chi của Bộ, Tỉnh, Sở và phòng Giáo dục tới toàn thể CBGVNV,

phụ huynh HS, học sinh trong toàn trường: Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh "Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"; Hướng dẫn số 2593/SGDDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh "Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"; Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh QN về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3(Bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

1.2. Hình thức triển khai

Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức hội nghị phổ biến các Nghị quyết, hướng dẫn và quán triệt thực hiện quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trường, lớp. Thống nhất chủ trương và kế hoạch triển khai (bằng văn bản) trong tập thể lãnh đạo nhà trường, Hội đồng trường và cha mẹ học sinh dự kiến từng khoản thu, mức thu cụ thể (Có biên bản họp CMHS các lớp, CMHS nhà trường).

2. Lập dự toán các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Căn cứ tình hình thực tế của trường, số lượng học sinh đăng ký từng dịch vụ: Dịch vụ uống nước, học thêm các bộ môn văn hóa, trông giữ phương tiện tham gia giao thông nhà trường hướng dẫn bộ phận kế toán trên cơ sở các văn bản chỉ đạo lập dự toán thu, chi, quản lý và sử dụng các khoản thu theo quy định, khoản thu dịch vụ, hỗ trợ trong nhà trường làm cơ sở thống nhất với cha mẹ học sinh. Việc lập dự toán chi thực hiện trên nguyên tắc đảm tỉ lệ chi, không thêm nội dung chi, không tăng mức chi vượt quá quy định tại Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hướng dẫn số 2593/SGDDĐT-KHTC ngày 19/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh "Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"; (Có dự toán các khoản thu đính kèm)

3. Triển khai thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy trình, trình tự các bước thực hiện thống nhất các khoản thu dịch vụ)

- Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi đầu năm học, nhà trường tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo thực hiện quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trường, lớp. Thống nhất chủ trương và kế

hoạch triển khai trong tập thể lãnh đạo nhà trường, Hội đồng trường và cha mẹ học sinh dự kiến từng khoản thu, mức thu cụ thể.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng dịch vụ thỏa thuận của Cha mẹ học sinh theo đơn đề nghị, yêu cầu bộ phận kế toán tổng hợp số lượng học sinh để lập dự toán kinh phí chi tiết bao gồm các nội dung chi phí, mức chi cụ thể và mức thu, đảm bảo chi đúng mục đích, thu đủ chi. Dự toán các khoản thu phải được sự thống nhất của Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh(có văn bản cụ thể).

- Nhà trường hoàn thiện hồ sơ trình Phòng giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí; Nhà trường chỉ triển khai thực hiện thu-chi khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công khai trước toàn thể CBGVNV, PHHS và nhân dân trên địa bàn xã;

- Báo cáo và cam kết UBND xã việc thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ trong năm học sau khi đã được cấp trên phê duyệt.

- Nhà trường chịu trách nhiệm cam kết trước PHHS về việc thực hiện đúng, đủ các khoản thu, chi theo kế hoạch đã thống nhất (có bản cam kết kèm theo).

- Nhà trường phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Quyết định 507/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều Kế hoạch phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thị xã Đông Triều năm 2023; Kế hoạch số 147/KH-PGD&ĐT ngày 16/02/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về Kế hoạch phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thị xã Đông Triều năm 2023;

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về các khoản thu, chi trong nhà trường; công khai số điện thoại (bao gồm cả số điện thoại đường dây nóng của Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo) để tiếp nhận phản ánh, giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh và người dân liên quan đến việc thu, chi.

4. Nội dung cụ thể các khoản thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4.1. Dịch vụ phục vụ nước uống

Tổng số học sinh toàn trường đăng ký dịch vụ uống nước: 342

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGD&ĐT ngày 12/05/2016 về Quy định công tác y tế trường học; Các văn bản hướng dẫn các khoản thu chi năm học 2023-2024 của UBND Tỉnh, Sở và Phòng GD&ĐT, trên cơ sở lấy thu bù chi xây dựng kế hoạch thu, chi tiền nước uống cụ thể:

*** Kế hoạch chi:**

Trung bình mỗi ngày học, học sinh uống khoảng 0,335 lít nước (bù trừ các ngày trong tháng, các tháng trong năm học, các mùa trong năm).

Nhà trường hợp đồng với đơn vị cung cấp nước uống cho học sinh: Công ty TNHH SX và TM Thiên Quý.

Địa chỉ: Khu I, thôn Hạ Chiểu, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Thể tích 01 bình nước = 20 lít

Giá tiền một bình = 20.000 đồng

- TS lít nước tiêu thụ 01 tháng: $342 \text{ học sinh} \times 0,335 \text{ lít} \times 26 \text{ ngày} = 2.978,82 \text{ lít}$

- Tổng số bình nước tiêu thụ 01 tháng là: $2.978,82 \text{ lít} : 20 \text{ lít} = 148,941 \text{ bình}$

- Số tiền nước thanh toán 01 tháng = $148,941 \text{ bình} \times 20.000đ = 2.978.820đ$

- Số tiền nước uống trong 1 năm học = $2.978.820 \times 9 \text{ tháng} = 26.809.380đ/\text{năm}$

- Chi mua bổ sung ca cốc: $100 \text{ cái} \times 10.000đ/\text{cái} = 1.000.000đ/\text{năm}$

- Chi mua bổ sung giá để bình nước: $4 \text{ cái} \times 90.000đ/\text{cái} = 360.000đ/\text{năm}$

- Quản lý nước: $01 \text{ người} \times 250.000đ/\text{tháng} = 250.000đ$

Số tiền QL nước trong 1 năm học = $250.000đ \times 9 \text{ tháng} = 2.250.000đ/\text{năm}$

Tổng chi: 30.419.380đ/năm

* Trên cơ sở mức chi trên, định mức thu tiền nước uống 01 học sinh/tháng là: $26.809.380đ + 1.000.000đ + 360.000đ + 2.250.000đ = 30.419.380đ/\text{học sinh}/9 \text{ tháng} = 9.883đ/\text{tháng} / \text{HS} (\text{Thu tròn: } 10.000đ)$

*** Kế hoạch thu:**

Trên cơ sở lấy thu bù chi, trường THCS Yên Đức xây dựng định mức thu như sau:

- Mức thu 01 học sinh/ tháng: 10.000 đồng

- Hình thức thu: Thu theo kỳ: Học kỳ 1 bắt đầu từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024, kỳ 2 bắt đầu thu từ tháng 01/2025 đến tháng 5/2025.

(Có bản dự toán kinh phí kèm theo biểu phụ lục 01)

4.2. Dịch vụ học thêm các môn văn hóa (ngoài giờ học chính khóa)

Căn cứ công văn 1296/SGDDĐT-GDPT ngày 13/5/2022 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập để xác định mức chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy và những người tham gia quản lý;

Căn cứ đơn nguyện vọng đăng ký tham gia học của học sinh từng khối lớp trong nhà trường để làm căn cứ tính số HS/lớp, số lớp tham gia học thêm;

- Đối tượng học: Học sinh từ lớp 6 đến lớp 9

Tổng số có 118 học sinh đăng ký học, Khối 6: 01 lớp; khối 7: 01 lớp; khối 8: 01 lớp; khối 9: 01 lớp

- Môn học: Toán, Văn, Tiếng Anh

- Thời gian, thời lượng:

Thời lượng: 3 tiết/buổi(mỗi tiết 45 phút); 03 buổi/tuần, cụ thể:

Môn Ngữ văn: 3 tiết/tuần x 04 tuần = 12 tiết /1 tháng

Môn Toán: 3 tiết/tuần x 4 tuần = 12 tiết/1 tháng

Môn Tiếng Anh: 3 tiết/tuần x 4 tuần = 12 tiết/1 tháng

*** Dự toán chi:**

- Chi cho giáo viên trực tiếp dạy tính theo đơn giá tiền lương 1 giờ dạy thêm của giáo viên , tổng số tiền : 27.360.000đ/tháng

- Chi cho công tác quản lý dịch vụ tính theo đơn giá thừa giờ làm thêm của CBQL, NV, QL lớp tổng số tiền: 3.901.000đ/tháng

- Chi trả tiền điện:	446.200đ/tháng
- Chi trả tiền nước uống cho HS:	320.000đ/tháng
- Tiền trông giữ PTGT:	500.000đ/tháng
- Chi phục vụ vệ sinh (giấy, nước rửa tay..):	300.000đ/tháng
- Chi sửa chữa CSVC phục vụ học thêm :	950.000đ/tháng
- Chi nộp thuế theo quy định 2%:	698.000 đ/tháng

Tổng dự toán chi trong tháng: 34.475.200đồng

*** Dự toán thu:**

Số học sinh tự nguyện đăng ký học: 118 học sinh

Dự toán tiền 1 tháng/1 học sinh:

$$34.475.200\text{đồng} / 118 \text{ học sinh} = 292.163\text{đồng}/1\text{hs}/1 \text{ tháng}.$$

- Hình thức học:

+ Môn Văn: 3 tiết/buổi x 1 buổi/tuần x 4 tuần = 12 tiết

+ Môn toán: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/tuần x 4 tuần = 12 tiết

+ Môn Anh: 3 tiết/buổi x 1 buổi/tuần x 4 tuần = 12 tiết

- Dự kiến thu: 292.163 đồng/12 tiết = 24.347đ/1hs/1 buổi(làm tròn 24.000đ)

Vậy dự kiến thu: 8.000 đồng/1HS/1 tiết

Hình thức thu: Theo tháng căn cứ vào số buổi học thực tế.

(Có bản dự toán kinh phí kèm theo biểu phụ lục 02)

4.3. Dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh

Căn cứ vào quyết định số 353/2017/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông xe trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Văn bản hướng dẫn các khoản thu chi năm học 2023-2024 của UBND Tỉnh, Sở và Phòng GD&ĐT.

*** Cơ sở làm căn cứ thu:** Căn cứ vào tổng kinh phí chi trả trong 01 tháng chia cho số lượng học sinh đăng ký gửi xe của các lớp/tháng.

* **Cơ sở làm căn cứ chi:** Số học sinh đăng ký gửi xe: 163 HS (Trong đó học sinh đi xe đạp: 163 em. Số HS gửi xe có thể tăng, giảm trong tháng).

* Số lượng học sinh đăng ký gửi xe đạp tại trường: 163 học sinh .

Nhà trường có khu nhà xe dành riêng cho học sinh, đảm bảo trông giữ an toàn phương tiện cho học sinh.

* *Dự toán chi:*

- Chi trả tiền công cho người trông giữ xe: 3.390.000đ

- Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe: 191.680đ

- Chi cho cán bộ quản lý : 232.520đ.

- Thuế 10% theo quy định:

Trong đó: + 5% thuế thu nhập doanh nghiệp: 211.900đ

+ 5% thuế GTGT : 211.900đ

Vậy tổng chi 1 tháng cho việc trông giữ PTGT là : 4.238.000đ

* *Dự toán thu:*

* *Trên cơ sở mức chi trên, định mức thu tiền trông giữ phương tiện tham gia giao thông 01 học sinh/tháng:*

Tổng chi = 4.238.000đ/163HS = 26.000đ/HS/tháng

(Có bản dự toán kinh phí kèm theo biểu phụ lục 03)

IV. Công tác quản lý các khoản thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường

Quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của HS, cha mẹ HS: Theo đúng nguyên tắc tài chính. Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ dựa trên nguyên tắc thu đủ bù chi, các khoản tự nguyện đều sử dụng đúng mục đích khi kêu gọi ủng hộ.

1. Hình thức thu, thời gian thu-chi

- Hình thức thu: Thu bằng tiền mặt và chuyển khoản (Vận động cha mẹ, tham gia dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.....)

- Thời gian thu - chi:

+ Dịch vụ phục vụ nước uống: Thu theo học kỳ , chi theo học kỳ.

+ Dịch vụ học thêm các môn văn hóa (ngoài giờ học chính thức): Thu, chi theo tháng.

+ Dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh: Thu, chi theo tháng.

2. Hạch toán và quyết toán thu chi

- Mở sổ sách theo dõi, hạch toán tất cả các khoản thu, chi phát sinh vào sổ kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định của chế độ tài chính hiện hành.

- Kết thúc năm học cơ sở giáo dục phải thực hiện quyết toán từng khoản thu, nếu sử dụng kinh phí không hết chi trả lại cho học sinh và cha mẹ học sinh, không được chuyển tiếp sang năm học sau để thực hiện, thông báo công khai kết quả thu, chi bằng văn bản tới tất cả cha mẹ học sinh, giáo viên và báo cáo Phòng Giáo dục

vào đầu tháng 6/2025.

3. Việc thực hiện công khai

- Nhà trường kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện việc niêm yết công khai và báo cáo quyết toán kinh phí với cha mẹ người học sinh: Công khai các khoản thu, chi theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục;

- Hình thức công khai: Bảng tin và trang điện tử nhà trường.

- Thời điểm, thời gian công khai: Đầu năm học, cuối năm học; Công khai trong 30 ngày, trừ ngày nghỉ Lễ.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Ban giám hiệu

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, quy định của các cấp về công tác thu, chi.

- Tổ chức các cuộc họp để thực hiện các quy trình thực hiện các khoản thu, chi trong nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện công tác thu chi trong nhà trường. Lập hồ sơ trình các cấp phê duyệt thực hiện công tác thu, chi tại nhà trường. Chịu trách nhiệm về công tổ chức thực hiện thu, chi tại nhà trường.

- Quản lý các khoản thu, chi đúng nguyên tắc tài chính.

- Tổ chức các nội dung công khai thu chi đến cha mẹ học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường theo quy định.

- Báo cáo Đảng ủy, UBND xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện các khoản thu, chi trong năm học.

- Tiếp nhận, giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của CB, GV, NV và PHHS nếu có.

2. Ban đại diện CMHS

- Phối hợp với nhà trường trong công tác tuyên truyền đến cha mẹ học sinh toàn trường các văn bản, hướng dẫn về công tác thu, chi. Tiếp thu các ý kiến của cha mẹ học sinh toàn trường về công tác thu, chi để cùng nhà trường thống nhất xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện thu, chi trong năm học.

- Phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện công tác thu chi đảm bảo công khai, minh bạch, đúng nguyên tắc tài chính.

3. Giáo viên chủ nhiệm

- Tham gia công tác tuyên truyền phổ biến đến cha mẹ học sinh lớp mình các văn bản, hướng dẫn về công tác thu, chi. Phối hợp với nhà trường để thực hiện các quy trình tổ chức các khoản thu, chi trong năm học.

- Thông báo công khai kế hoạch thu chi này đến toàn thể PHHS trong lớp tại cuộc họp PHHS đầu năm để PHHS được bàn bạc, thảo luận và thống nhất khi triển khai thực hiện;

- Tiếp nhận, giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của PHHS nếu có và phản ánh kịp thời về BGH để cùng giải quyết;

4. Kế toán, thủ quỹ

*** Kế toán:**

- Tham mưu cho nhà trường lập dự toán thu chi của các dịch vụ sử dụng trong nhà trường. Tham gia xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện các khoản thu trong nhà trường.

- Mở sổ sách theo dõi, hạch toán tất cả các khoản thu, chi trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định của bộ tài chính.

- Hoàn thành các hồ sơ quyết toán, công khai khi kết thúc các dịch vụ trong năm học.

*** Thủ quỹ:**

Lập danh sách học sinh tham gia các khoản dịch vụ, danh sách thu các lớp theo tháng, kỳ thực hiện các khoản thu, quản lý tiền mặt và chi trả các nội dung chi theo đúng kế hoạch. Phối hợp với kế toán hoàn thiện các chứng từ thu, chi của các dịch vụ trong năm học và các hồ sơ thanh, quyết toán, công khai tại nhà trường theo đúng quy định.

Trên đây là kế hoạch triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường THCS Yên Đức. Hiệu trưởng nhà trường yêu cầu CBGVNV, bộ phận kế toán, thủ quỹ căn cứ kế hoạch thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có các nội dung chưa hợp lý hoặc phát sinh các bộ phận phản ánh về BGH để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(b/c);
- HĐND, UBND xã(b/c);
- Ban đại diện CMHS trường (p/h);
- CB, GV, NV trong trường (t/h);
- Lưu: VT, trang điện tử NT.



Lê Thị Kim Oanh

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH

Năm học 2024 - 2025

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện CMHS các lớp; Giáo viên chủ nhiệm và CMHS từng lớp học.

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 342 Học sinh

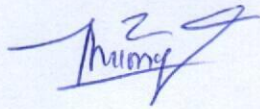
I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	7
I.	Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống							
	<u>Đối với học 01 buổi/ngày</u>							
	- Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ buổi	Lít	0.335	1000	335			
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ buổi	Lít	11.46	1000	11,457			
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng	Lít	297.88	1000	297,882			
	- Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng	Lít	2,978.82	1000	2,978,820			
1	Mua nước uống	Bình	148,941	20,000	2,978,820	9	26,809,380	
2	Ca, cốc	Cái	100	10,000	1,000,000	9	1,000,000	Tính cho cả năm học
3	Giá đề bình nước	Cái	4	90,000	360,000	9	360,000	Tính cho cả năm học
4	Công bê nước (01 người)	Tháng	1	250,000	250,000	9	2,250,000	
	Tổng cộng						30,419,380	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	30,419,380	
2	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh	342	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/tháng (4=1/2/3)	Đồng	9,883	Không vượt quá quy định

Ban đại diện CMHS



Lưu Thị Thùy Phương



Đại diện công đoàn

Nguyễn Thủy Hiên

Kế toán



Ngô Thị Thành

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Kim Oanh

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC THÊM**Năm học 2024 - 2025**

- Căn cứ Kế hoạch triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-
 - Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện
 CMHS nhà trường; Giáo viên chủ nhiệm và CMHS từng lớp học
 - Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 118 Học sinh.

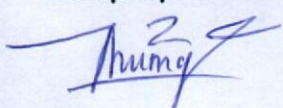
I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy		Giờ dạy	144	190,000	27,360,000	7	191,520,000	Theo Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3
2	Chi khác								
2.1	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)								Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này, mức chi do đơn vị tự thỏa thuận
	- Thù quỹ	giờ	Tháng	8	46,000	368,000	7	2,576,000	
	- Kế toán	giờ	Tháng	9	39,000	351,000	7	2,457,000	
	- Y tế	giờ	Tháng	5	46,000	230,000	7	1,610,000	
	- Lãnh đạo phụ trách (HT 1,5h/lớp;	giờ	Tháng	16	95,000	1,520,000	7	10,640,000	
	- Lãnh đạo phụ trách (P.HT 1,5h/lớp)	giờ	Tháng	12	92,000	1,104,000	7	7,728,000	
	- Quản lý lớp 1h/ lớp	giờ	Tháng	4	82,000	328,000	7	2,296,000	
2.3	Điện	giờ	KW	230	1,940	446,200	7	3,123,400	Theo khời lượng nêu trên, sử dụng trong phục vụ học thêm (cách tính như tiền điện (tính theo kWh))
2.4	Nước uống cho học sinh		Bình	16	20,000	320,000	7	2,240,000	
2.5	Tiền trông giữ PTGT		Tháng	1	500,000	500,000	7	3,500,000	
2.6	Tiền phục vụ vệ sinh (giấy, nước rửa tay...)		Tháng		300,000	300,000	7	2,100,000	
2.7	Sửa chữa	3%				950,000	7	6,650,000	
2.8	Thuế	2%				698,000	7	4,886,000	
	Tổng cộng:					34,475,200		241,326,400	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	241,326,400	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	29.5	
3	Tổng số tháng học	Tháng	7	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng/lớp	Giờ dạy/tháng	144	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=4*3)	Giờ dạy/năm	1,008	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	239,411	
7	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/giờ dạy ; (7=6/2)	Đồng	8,116	Làm tròn: 8.000d

Ban đại diện CMHS

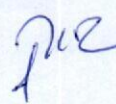


Lưu Thị Thúy Phương

Đại diện công đoàn nhà trường

 Nguyễn Thị Thủy Hiền

Kế toán



Ngô Thị Thành

Thủ trưởng đơn vị


 Lê Thị Kim Oanh

Lê Thị Kim Oanh

ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG 1 GIỜ DẠY THÊM CỦA GIÁO VIÊN
NĂM HỌC 2024 -2025

TT	Họ và tên	Dạy môn	Hệ số lương	Chức vụ	TN VK		TN Nghề		Ưu đãi	Tổng hệ số	Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học	Tiền lương 1 tiết dạy	Tiền lương 01 tiết dạy thêm	Làm tròn
					% TN	HS	%TN	HS						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=(4+5+7+9+10)	12=(11*2.340.000)*12	12 = (11/Định mức giờ dạy/năm)*Số tuần dành cho giảng dạy /52 tuần)	13=12*98%	
1	Vũ Thị Hoài	Toán 8	4.68	0.2			22%	1.0736	1.464	7.4176	208,286,208	210,816	210,800	
2	Trần Thu Thương	Toán 6	4.98				28%	1.3944	1.494	7.8684	220,944,672	223,628	223,600	
3	Vũ Thị Thu Hằng	Toán 7	2.3				0%	0	0.690	2.9900	83,959,200	84,979	85,000	
4	Vũ Thị Bình Ngọc	Văn 9	4.68	0.2			19%	0.9272	1.464	7.2712	204,175,296	206,655	206,700	
5	Phạm Thị Kim Nhung	Văn 8	4.34				22%	0.9548	1.302	6.5968	185,238,144	187,488	187,500	
6	Trần Thị Huyền	Văn 6	4.34				19%	0.8246	1.302	6.4666	181,582,128	183,788	183,800	
7	Nguyễn Thị Minh Hiền	Văn 7	5.02				26%	1.3052	1.506	7.8312	219,900,096	222,571	222,600	
8	Phạm Tuyết Minh	Tiếng Anh 7,8	5.02				25%	1.255	1.506	7.7810	218,490,480	221,144	221,100	
9	Lê Thị Thu Thủy	Tiếng Anh 6,9	4.68				24%	1.1232	1.404	7.2072	202,378,176	204,836	204,800	
Cộng			40.04	0.40			185%	8.8580	12.1320	61.4300	1,724,954,400	1,745,905	1,745,900	
Đơn giá bình quân 1 giờ dạy thêm của giáo viên														193,989
Số tiền 01 giờ dạy được áp dụng để tính như trên lấy tròn														190,000

PHỤ TRÁCH CM

KÊ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hiến

Ngô Thị Thành

Lê Thị Kim Oanh



BẢNG KÊ SỔ TIẾT DẠY THÊM CỦA GIÁO VIÊN

- Căn cứ kế hoạch số 457/KH-THCSYD ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trường THCS Yên Đức
- Tổng số học sinh tham gia: 118 học sinh.

TT	Khối lớp/Môn học	Số học sinh đăng ký tham gia học thêm	Số học sinh/lớp	Số lớp	Số buổi học / tháng	Số giờ dạy/ tháng	Tổng số giờ dạy/ tháng	Ghi chú
1	2	3	4	5=3/4	6	7=6*3 giờ dạy	8=7*5	7
Khối lớp 6								
1	Toán	30	30	1	12	36	36	
2	Văn	30	30	1	4	12	12	
3	Tiếng Anh	30	30	1	4	12	12	
Khối lớp 7								
1	Toán	30	30	1	12	36	36	
2	Văn	30	30	1	4	12	12	
3	Tiếng Anh	30	30	1	4	12	12	
Khối lớp 8								
1	Toán	29	29	1	12	36	36	
2	Văn	29	29	1	4	12	12	
3	Tiếng Anh	29	29	1	4	12	12	
Khối lớp 9								
1	Toán	29	29	1	12	36	36	
2	Văn	29	29	1	4	12	12	
3	Tiếng Anh	29	29	1	4	12	12	
Tổng cộng								
		118				144	144	

PHỤ TRÁCH CM

KÊ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Hiền

Ngô Thị Thành

Lê Thị Kim Oanh



BẢNG TÍNH ĐƠN GIÁ GIỜ LÀM THÊM CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ CÔNG TÁC DẠY THÊM HỌC THÊM
NĂM HỌC 2024 - 2025

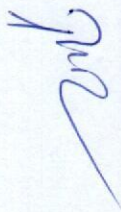
TT	Họ và tên	Dạy môn	Hệ số lương	Chức vụ	PCT NVK	PCT N	PC TN		Khu vực	Ưu đãi	Tổng hệ số	Tổng lương	Tiền lương 1 giờ dạy	Tiền lương 01 giờ dạy thêm	Làm tròn
							PCTN	HS							
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9=(1+2+4+6+7+8)	10=(9*2340.000)	11=(10/26/8)	12=11*98%	13
1	Lê Thị Kim Oanh	Hiệu trưởng	5.02	0.35			28%	1.5036		1.6110	8.4846	19,853,964	95,452	95,452	95,000
2	Nguyễn Thuý Hiền	Phó HT	4.98	0.25			27%	1.4121		1.5690	8.2111	19,213,974	92,375	92,375	92,000
4	Ngô Thị Thành	KT	3.34			0.1					3.4400	8,049,600	38,700	38,700	39,000
5	Nguyễn Thị Huệ	TQ - Y tế	3.86	0.2							4.0600	9,500,400	45,675	45,675	46,000
Cộng			17.20	0.80		0.1	55%	2.9157		3.1800	24.1957	56,617,938	272,202	272,202	272,000

PHỤ TRÁCH CM



Nguyễn Thuý Hiền

KẾ TOÁN



Ngô Thị Thành

HIỆU TRƯỞNG



Hiệu trưởng Lê Thị Kim Oanh

BẢNG TÍNH ĐƠN GIÁ BÌNH QUÂN 01 GIỜ LÀM THÊM CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Dạy môn	Hệ số lương	Chức vụ	PCT NVK	PCT N	PCT N		Khu vực	Ưu đãi	Tổng hệ số	Tổng lương	Tiền lương 1 giờ dạy	Tiền lương 01 giờ dạy thêm	Làm tròn
							PCT N	HS							
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	$9=(1+2+4+6+7+8)$	$10=(9*2.340.000)$	$11=(10/26/8)$	$12=11*150\%$	13
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	GVCN lớp 7	5.02				26%	1.3052		1.5060	7.8312	18,325,008	88,101	88,101	88,000
2	Vũ Thị Hoài	GVCN lớp 8	4.68	0.2			22%	1.0736		1.4640	7.4176	17,357,184	83,448	83,448	83,000
3	Trần Thị Huyền	GVCN lớp 6	4.34	0.15			19%	0.8531		1.3470	6.6901	15,654,834	75,264	75,264	75,000
4	Vũ Thị Bình Ngọc	GVCN lớp 9	4.68	0.2			19%	0.9272		1.4640	7.2712	17,014,608	81,801	81,801	81,000
Cộng			18.72	0.55			86%	4.1591		5.7810	29.2101	68,351,634	328,614	328,614	327,000
Lương bình quan 01 giờ dạy:												322.000 : 4			81,750
															80,000

PHỤ TRÁCH CM

KẾ TOÁN

HỆ ĐỒ TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Hiền

Ngô Thị Thành



DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH HỌC THÊM NGOÀI GIỜ CHÍNH KHOÁ

Năm học 2024 - 2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ nước uống
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện CMHS nhà trường ; Giáo viên chủ nhiệm và CMHS từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 118 Học sinh

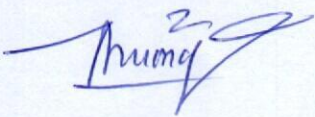
I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
I.	Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống							
	<u>Đối với học 01 buổi/ngày</u>							
	- Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ buổi	Lít	0.335	1000	335			
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ buổi	Lít	9.88	1000	9,883			
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng	Lít	118.59	1000	118,590			
	- Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng	Lít	474.4	1000	474,360			
1	Mua nước uống	Bình	23.72	20,000	474,360	8	3,794,880	
	Tổng cộng				474,360		3,794,880	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	3,794,880	
2	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh	118	
3	Tổng số tháng học	Tháng	8	
4	Số tiền thu học sinh/tháng (7=1/2/3)	Đồng	4,020	Không vượt quá quy định

Ban đại diện CMHS



Lưu Thị Thùy Phương

Đại diện công đoàn nhà trường



Nguyễn Thúy Hiền

Kế toán



Ngô Thị Thành

Chủ trường đơn vị

Lê Thị Kim Oanh

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
Năm học 2024 -2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện CMHS nhà trường ; Giáo viên chủ nhiệm và CMHS từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 163 Học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	7
	Tổng cộng	I		163	26,000	4,238,000	9	38,142,000	
1	Chi trả tiền công cho người trông giữ xe	80%	Đồng	1	3,390,000	3,390,000	9	30,510,000	
2	Chi khác	20%				848,000	9	7,632,000	
2.1	Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe	3%	Tháng			191,680	9	1,725,120	
	Làm vé xe, khóa, bơm....					191,680			
2.2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)	7%	Tháng			232,520	9	2,092,680	
	- Thủ quỹ	1%	Tháng			42,380	9	381,420	
	- Kế toán	1%	Tháng			42,380	9	381,420	
	- Hiệu trưởng	2.0%	Tháng			84,760	9	762,840	
	- Phó hiệu trưởng	1,5%	Tháng			63,000	9	567,000	
2.3	Thuế	10%	Tháng			423,800	9	3,814,200	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Tỷ lệ %	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	100%	Đồng	4,238,000	
2	Tổng số học sinh tham gia			163	
	Số học sinh gửi xe đạp		HS	163	
	Số học sinh gửi xe máy		HS	0	
3	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe máy		Đồng		Không vượt quá quy định
4	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe đạp		Đồng	26,000	

Ghi chú:

Ban đại diện CMHS

Lưu Thị Thùy Phương

Đại diện công đoàn nhà trường

Nguyễn Thủy Hiền

Kế toán

Ngô Thị Thành

Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Kim Oanh